

Số: 25/QĐ-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

### HIỆU TRƯỞNG

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi tắt là Thông tư 08/2017);

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng trường và Trưởng phòng Quản lý khoa học và Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý khoa học và Sau đại học, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng ban Thanh tra, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT; P.QLKH-SĐH.

HIỆU TRƯỞNG   
  
Nguyễn Thanh Giang

## QUY CHẾ

### Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-UEF ngày 15 tháng 02 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

#### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (UEF), bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với Phòng Quản lý khoa học và Sau đại học (P.QLKH-SĐH), Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra, các Khoa, các đơn vị thuộc Trường, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo các chương trình liên kết đào tạo tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

##### Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo tiến sĩ có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

##### Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng với khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

2. Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Kết cấu chương trình đào tạo gồm 3 phần: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và 3 chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ.

4. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên

cứ, số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung tối đa là 15 tín chỉ.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

5. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó 03 chuyên đề tiến sĩ là những học phần bắt buộc.

6. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

## **Chương II**

### **TUYỂN SINH**

#### **Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2. Tiêu chí đánh giá xét tuyển dựa trên 2 thành phần sau:

a) Kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển của thí sinh, do Tiểu ban chuyên môn thực hiện (thang điểm 30).

b) Kết quả đánh giá đề cương nghiên cứu (chất lượng đề cương nghiên cứu, việc trình bày và trả lời câu hỏi của thí sinh) do Tiểu ban chuyên môn thực hiện (thang điểm 70).

3. Ngưỡng đầu vào của nghiên cứu sinh: Tổng điểm đánh giá hồ sơ dự tuyển và điểm bảo vệ đề cương nghiên cứu đạt từ 50 điểm trở lên.

4. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 hoặc nhiều lần.

#### **Điều 5. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) đúng đạt loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp, hoặc ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.

2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phân biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Trong các trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, nếu ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

5. Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự tuyển đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.

6. Có đủ sức khỏe để học tập.

7. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

8. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

#### **Điều 6. Hồ sơ dự tuyển**

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự tuyển;

b) Lý lịch khoa học;

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực;

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này và thâm niên công tác (nếu có);

đ) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu của Trường);

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh

giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Trường.

2. Người dự tuyển nộp hồ sơ dự tuyển cho P.QLKH-SĐH chậm nhất là 30 ngày trước ngày Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá hồ sơ dự tuyển.

### **Điều 7. Thông báo tuyển sinh**

Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 03 tháng, có nội dung phù hợp với đề án tuyển sinh của Trường, bao gồm các nội dung sau:

1. Điều kiện dự tuyển.
2. Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn.
3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo.
4. Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển.
5. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học.
6. Học phí, các chính sách miễn giảm học phí.
7. Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

### **Điều 8. Hội đồng tuyển sinh**

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh.

1. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm có:
  - a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng;
  - b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Hiệu trưởng;
  - c) Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng P.QLKH-SĐH;
  - d) Các Ủy viên: Trưởng đơn vị chuyên môn của các ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển và Trưởng các phòng, ban có liên quan.

Những người có người thân (con, vợ, chồng, bố, mẹ, anh, chị, em ruột của mình và của vợ hoặc chồng) dự tuyển vào Trường không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh trong năm đó.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh
  - a) Thông báo tuyển sinh;
  - b) Tổ chức triển khai công tác tuyển sinh: tiếp nhận hồ sơ dự tuyển, tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh;
  - c) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

d) Báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

a) Phổ biến thông tin, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, giám sát và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Trường theo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Thành lập Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Quy chế này để giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trong việc thực hiện công tác tuyển sinh; Trưởng các Tiểu ban chuyên môn phải là thành viên Hội đồng tuyển sinh.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ủy quyền.

### **Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập Ban Thư ký trên cơ sở đề xuất của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh.

2. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên: Một số cán bộ - nhân viên P.QLKH-SĐH và các khoa, phòng, ban liên quan.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký

a) Công bố các thông tin liên quan đến điều kiện, hồ sơ, địa điểm đăng ký xét tuyển trên trang thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác;

b) Nhận và xử lý hồ sơ dự tuyển;

c) Lập danh sách trích ngang của các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, báo cáo với Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và gửi cho Tiểu ban chuyên môn;

d) Tiếp nhận, tổng hợp kết quả đánh giá của Tiểu ban chuyên môn và trình Hội đồng tuyển sinh xem xét quyết định;

đ) Gửi thông báo kết quả tuyển sinh cho thí sinh dự tuyển;

e) Lập danh sách thí sinh trúng tuyển;

g) Thông báo thí sinh trúng tuyển nhập học;

h) Kiểm tra hồ sơ của thí sinh trúng tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao;

### **Điều 10. Tiểu ban chuyên môn**

1. Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên môn trên cơ sở đề xuất của Trưởng ngành, căn cứ hồ sơ dự tuyển và hướng nghiên cứu của các thí sinh.

2. Thành phần của Tiểu ban chuyên môn gồm Trưởng Tiểu ban, Ủy viên thư ký và (các) Ủy viên, số lượng từ 3 đến 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, trong đó có ít nhất

3 người có đủ thâm niên 3 năm (36 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận học vị tiến sĩ và có tối thiểu 1 công trình công bố liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Tiểu ban chuyên môn: Trách nhiệm và quyền hạn của Tiểu ban chuyên môn: Tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và việc trình bày đề cương nghiên cứu, tiến hành phỏng vấn, trao đổi về dự định nghiên cứu của thí sinh, đánh giá, chấm điểm và gửi kết quả cho Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

### **Điều 11. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Tiểu ban chuyên môn đánh giá hồ sơ dự tuyển của thí sinh theo các tiêu chí: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; kinh nghiệm nghiên cứu khoa học có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu và cho điểm vào Phiếu chấm theo mẫu của Trường theo thang điểm 30.

2. Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt câu hỏi để đánh giá thí sinh về năng lực kiến thức chuyên môn, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, tính khả thi, tính mới của đề tài và kế hoạch nghiên cứu... Tiểu ban chuyên môn có văn bản nhận xét, đánh giá cho điểm thí sinh về từng nội dung theo mẫu của Trường, theo thang điểm 70.

3. Tiểu ban chuyên môn gửi kết quả đánh giá của các thành viên về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký tổng hợp kết quả đánh giá và báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

5. Căn cứ kết quả đánh giá của Tiểu ban chuyên môn và chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển và ban hành Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh.

6. Ban Thư ký gửi Quyết định trúng tuyển và Giấy báo nhập học cho các thí sinh trúng tuyển và gửi thông báo kết quả xét tuyển cho các thí sinh còn lại.

7. Sau khi thí sinh trúng tuyển hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định của Trường, Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó ghi rõ chuyên ngành, tên đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn và thời gian đào tạo.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

#### **Điều 12. Hình thức và thời gian đào tạo**

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm (36 tháng), đối với người chưa có bằng thạc sĩ là 4 năm (48 tháng).

b) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong thời gian quy định tại điểm a khoản này.

### 3. Gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định như sau:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại Trường;

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (mỗi nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án tối đa 02 lần nếu lần đầu bảo vệ không đạt) thì Hiệu trưởng quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

b) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy chế này.

### **Điều 13. Tổ chức đào tạo**

1. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Trường. Trong trường hợp Trường không đào tạo học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa Trường và cơ sở đào tạo đó.

2. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, được thể hiện trong 03 báo cáo chuyên đề và luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh. thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 và 3 Điều 12.

### 3. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn bảo đảm hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ trong thời gian quy định tại khoản 2 và 3 Điều 12;

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.



**Chương IV**  
**TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN**  
**CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

**Điều 14. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng, có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

**Điều 15. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng, có phẩm chất, đạo đức tốt; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của nhà trường.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua;

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

đ) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp trường nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy chế này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

### **Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh**

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.

2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.

3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Trường.

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

### **Điều 17. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn**

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.

4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

### **Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của Trường**

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của nhà trường về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Thông tư 08/2017 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp trường để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của Trường.

6. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 08/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b) Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 08/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp trường trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 08/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và Quy chế hiện hành của Trường về công tác văn thư, lưu trữ.

## Chương V

### LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

#### Điều 19. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án; đồng thời đáp ứng quy định của Trường về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

#### Điều 20. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỳ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn do Trường phòng P.QLKH-SĐH trình Hiệu trưởng thành lập trên cơ sở đề xuất của Trường ngành. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối thiểu gồm 05 người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Trường. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường.

4. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp

Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết xét nhận trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án, trong đó chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

5. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

6. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp trường, viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

### **Điều 21. Phản biện độc lập luận án**

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại khoản 1 Điều 15 của Quy chế này; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Trường. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và những người có liên quan với nghiên cứu sinh. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường được phân công nhiệm vụ liên quan đến quá trình phản biện độc lập có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình và mọi thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành.

4. Xử lý kết quả phản biện độc lập

a) Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Trường gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường;

b) Trong trường hợp cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba thì luận án bị trả về để đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở đơn vị chuyên môn. Luận án sau khi sửa chữa được lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai;

c) Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba. Trường hợp luận án không được các phản biện độc lập lần thứ hai tán thành thì không được đưa ra bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp trường. Trường cấp giấy chứng nhận điểm các học phần đã hoàn thành trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

#### 5. Quy trình lựa chọn phản biện độc lập

a) Trường phòng P.QLKH-SĐH đề xuất tối thiểu 05 người đáp ứng tiêu chuẩn đề trình Hiệu trưởng chọn 02 phản biện độc lập. Trong trường hợp có 01 phản biện không tán thành thì trình Hiệu trưởng chọn phản biện độc lập thứ ba trong danh sách đề xuất trên.

b) Trường hợp luận án cần lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai thì Trường phòng P.QLKH-SĐH đề xuất danh sách 05 người khác.

#### **Điều 22. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường**

1. Điều kiện đề nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập tán thành theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 19 của Quy chế này (nếu có);

đ) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

e) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

i) Những tài liệu khác theo quy định.

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do P.QLKH-SĐH tập hợp.

#### **Điều 23. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường**

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

## 2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; người phản biện phải có tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo khoa học, trong đó có ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc hoặc 01 báo cáo bằng tiếng nước ngoài trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

## 3. Số lượng thành viên Hội đồng:

- a) Hội đồng có 07 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký, 03 Phản biện, 02 Ủy viên; trong đó, số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ cơ hữu của Trường tối đa không quá 03 người;
- b) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

4. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

## **Điều 24. Đánh giá luận án ở cấp trường**

### 1. Các quy định chung:

- a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 25 của Quy chế này;
- b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 25 của Quy chế này;
- c) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong trường hợp Chủ tịch hoặc Thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;
- d) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành;
- đ) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

e) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

#### **Điều 25. Đánh giá luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 20 và điểm b, khoản 1 Điều 24 của Quy chế này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

#### **Điều 26. Đánh giá lại luận án ở cấp trường**

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Việc đánh giá luận án ở cấp trường lần thứ hai được tổ chức sớm nhất là sau 06 tháng và muộn nhất là 24 tháng kể từ ngày bảo vệ luận án lần thứ nhất, và không vượt quá tổng thời gian đào tạo và kéo dài tối đa cho phép. Hồ sơ bảo vệ luận án lần thứ hai ngoài các nội dung như lần bảo vệ thứ nhất phải có thêm bản tường trình về các nội dung liên quan đến quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; và có văn bản đề nghị của đơn vị chuyên môn cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

### **Chương VI**

#### **THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

#### **Điều 27. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:



1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, viện thông qua trong báo cáo của Trường quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 18 Quy chế này

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án.

#### **Điều 28. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 22 của Quy chế này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy chế này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

#### **Điều 29. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án**

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Trường theo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 18 Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án.

4. Chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định quy định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra

quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy quyền Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 30. Hội đồng thẩm định luận án**

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 29 của Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường quy định tại khoản 2 Điều 23 của Quy chế này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung của đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Hiệu trưởng tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

### **Điều 31. Xử lý kết quả thẩm định**

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 29 Quy chế này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì Trường xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy chế này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường phòng P.QLKH-SĐH tham mưu Hiệu trưởng bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

### **Điều 32. Cấp bằng tiến sĩ**

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường và được người hướng dẫn, P.QLKH-SĐH, Chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 29 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 29 và khoản 1 Điều 31 của Quy chế này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Trường và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp trường;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 25 Quy chế này;

h) Các tài liệu khác theo quy định.

3. P.QLKH-SĐH phối hợp với các đơn vị có liên quan tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ những điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

## Chương VII

### KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 33. Khiếu nại, tố cáo**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

#### **Điều 34. Thanh tra, kiểm tra**

Ban Thanh tra tham mưu cho Hiệu trưởng tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh, quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

#### **Điều 35. Xử lý vi phạm**

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu cơ sở đào tạo xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Quy chế này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Hiệu trưởng thành lập theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này.

## Chương VIII

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành của Hiệu trưởng.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân đề nghị Hiệu trưởng xem xét điều chỉnh để Quy chế phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế của Trường./.

HIỆU TRƯỞNG 



Nguyễn Thanh Giang

